

## NHỮNG LÀNG DÙNG HỌ LÀM TÊN

DIỆP ĐÌNH HOA

**S**ống thành làng là một trong những thành quả của quá trình định cư lâu dài. Điều này xảy ra từ thời đại đồ đá mới. Ở Việt Nam những cứ liệu khảo cổ học đã chứng thực sự tồn tại của hiện tượng này cách đây trên dưới vạn năm. Bước vào thời đại đồ đồng thau ở Việt Nam, làng trở thành một đơn vị cơ sở. Tuy điều này xảy ra cách đây trên dưới 4000 năm, nhưng về mặt tư liệu dân tộc học, ví dụ như qua các địa danh ở huyện Phong Châu, Phú Thọ nhiều xứ đồng vẫn còn giữ tên nhà, ở Tây Nguyên vẫn còn những làng chỉ có một ngôi nhà dài. Dù sao sự phân hoá tách biệt giữa nhà và làng đã xảy ra mãnh liệt vào buổi đầu của thời đại đồ đồng thau. Sự tồn tại qua khai quật những di chỉ như Phùng Nguyên, Gò Bông, Phú Thọ, Văn Điển, Đông Vông (Hà Nội), trên dưới vạn mét vuông là những bằng chứng rõ rệt. Có di chỉ như Đông Đậu (Vĩnh Phúc) tầng văn hoá dày đến 2-3 m.

Có làng thì phải có tên gọi, về mặt số lượng, có ba loại như sau:

a. Loại làng chỉ có một tên gọi: loại này có hai trường hợp: loại là tên nôm, hoặc là tên chữ. Nhiều người tưởng rằng những làng chỉ có một tên gọi, mà lại là tên nôm, thường là loại làng cổ. Điều này đã bị cảm giác đánh lừa. Những làng như thế thường chỉ xuất hiện sau khi chữ viết được la tinh hoá, thường là ở thế kỷ 20. Điều đó có nghĩa là để tiện ghi chép, những tên làng này không cần đến ký hiệu nôm nữa. Dùng ký hiệu nôm để dẫn đến những tên phát sinh, do cách phát âm. Những làng chỉ có một tên, mà là tên chữ thường phức tạp hơn. Thiên niên kỷ I AD do yêu cầu quản lý phải ghi chép, người Hán có phiên âm nhiều tên làng, nhiều tên có thể khảo được, nhưng nhiều tên không còn rõ ý nghĩa. Với sự tiếp thu chữ viết của nền văn minh Trung Hoa, tên làng dần được chữ nghĩa hoá, đọc theo âm Việt. Đến đầu thế kỷ 19, nhất là vào thời Minh Mạng, có lệnh đổi tất cả tên làng ra âm Hán Việt. Nhiều làng quên mất tên cổ hoặc không muốn nhắc lại tên cổ vì nhiều lý do khác nhau.

b. Loại làng có hai tên: một tên nôm và một tên chữ. Trong quan hệ giao tiếp tên nôm dùng để đối nội, để khẳng định bản sắc, tên chữ để đối ngoại, dùng để ghi chép, trong các việc quản lý hành chính ở đây chúng tôi không quan tâm đến tất cả những quy luật từ sự chuyển đổi từ tên làng nôm sang tên (làng) chữ, mà chỉ lưu ý đến một trường hợp những làng dùng họ làm tên mà thôi. Họ đối với người Việt là một hiện tượng văn hoá vay mượn.

c. Loại làng có nhiều tên. Trong trường hợp này chúng tôi đề nghị nên có cách xử lý ba chiều: đồng đại, lịch đại và tâm lý tộc người. Hiện tượng này phần nào cũng đã phản ánh một thực trạng sự cộng cư của rặng lược của nhiều cư dân trong một quốc gia đa dân tộc.

Những làng dùng họ làm tên làng, ở Việt Nam thường lấy có 6 dạng như sau:

1. Tên chỉ có đọc một âm. Theo tư liệu của Viện Hán Nôm hiện tượng này tương đối phổ biến: Lỗ (Thái Bình), Nguyễn (3 đơn vị), Mỹ (3 đơn vị), Ngô (5 đơn vị), Trần (Thanh Hoá), Phan (Nghệ Tĩnh)...

2. Dùng họ làm tên làng, có kèm thêm bổ ngữ. Cũng theo tư liệu đã nêu có thể kể ra một ví dụ như: Nguyễn Hạ (Lạng Sơn), Nguyễn Thượng (4 đơn vị) Nguyễn Khê (Hải Hưng), Nguyễn Phú (2 đơn vị), Nguyễn Phúc (Nghệ Tĩnh).

3. Tên làng gồm hai họ. Ví dụ làng Lê Nguyễn, làng Ông Nguyễn (Thanh Hoá), làng Phan Lương (Sơn Tây)...

4. Tên làng khi chuyển từ nôm sang chữ, người ta dùng họ để gọi tên làng ví dụ làng Ngang ở Tiên Du, Bắc Ninh, sang tên chữ trên bản đồ là Nga Nguyễn, làng Bưởi, Hà Nam viết là Quảng Nguyễn đọc là Quảng Nguyễn.

Bốn dạng này chưa lưu ý đến trong luận văn.

5. Dạng tên làng gồm tên của một họ kết hợp với âm xá: Họ + Xá. Nguyên nghĩa của từ xá dùng để chỉ nơi cư trú. Trong quá trình phát triển, đơn vị này trở thành một cơ cấu trong tổ chức xã hội tương đương với giáp, thôn, trang, làng, phường, xã, tổng... Đây chính là dạng đối tượng chủ yếu của bài viết này.

Trong quá trình phát triển, những làng theo dạng này bị phân hoá, tên làng vì thế cũng kèm theo những bổ ngữ. Nguyễn Xá Thượng (Hà Nam) Lương Xá Hạ, Lương Xá Thượng (Vĩnh Phúc).

6. Những làng dùng họ làm tên, trong kết cấu, âm xá đứng trước, cũng không được lưu ý đến trong bài này. Ví dụ thôn Xá Hộ (Nghệ An).

Trường hợp thứ nhất là nhiều làng dùng họ làm tên, nhưng không có tên nôm, tên chữ nào khác. Để so sánh, thấy rõ thêm sự trùng lặp, chúng tôi sử dụng thêm tư liệu của Hà Bắc nay là Bắc Ninh và Bắc Giang. Có thể tóm tắt theo bảng 01 sau đây:

**Bảng 01: Làng chỉ có một tên theo họ.**

STT	Tên làng	Đơn vị theo tư liệu Viện Hán Nôm	Đơn vị ở Hà Bắc	Ghi chú
1	Bùi Xá	13	2	
2	Cầm Xá	2	1	
3	Cơ Xá	1	1	
4	Châu Xá	3	1	Ba ký hiệu chữ khác nhau
5	Doãn Xá	2	1	
6	Dương Xá	10	1	
7	Đào Xá	13		
8	Đặng Xá	23	3	

9	Đông Xá	6	2	
10	Đông Xá	10	1	
11	Hoàng Xá	35	1	
12	Lê Xá	21	1	
13	Ngô Xá	19	1	
14	Phùng Xá	6	1	
15	Thích Xá	1	1	Ở Hà Bắc
16	Tiêu Xá	2	2	Ở Hà Bắc, xã, tổng
17	Trần Xá	6	1	
18	Trịnh Xá	8	2	
19	Trương Xá	7	1	
20	Ung Xá		1	
21	Vân Xá	6	2	
22	Vệ Xá	1	1	
23	Vũ Xá	18	1	
24	Yên Xá	6	1	

Có một số nhà nghiên cứu như Trương Hữu Quỳnh, Trần Quốc Vương... nhận định rằng những làng dùng họ làm tên cốt để kỷ niệm những người có công đầu tiên trong công cuộc khai phá. Có thể đó chỉ là một khả năng, theo suy luận. Sự phản ảnh của nền văn minh trồng lúa thường có hiện tượng ghi công những bậc tiên hiền, hậu hiền, hoặc là tôn làm thành hoàng, hoặc là trong ngày giỗ tổ chức thành hội làng. Hiện tượng này qua thẩm tra điền dã chúng tôi chưa gặp ở những làng dùng họ làm tên làng. Cũng có thể trong tương lai sẽ gặp. Về mặt lý thuyết chức năng, tên làng phải chăng biểu hiện sự tập hợp những người cùng dòng họ? Theo chúng tôi sự nhận định ấy chẳng qua là một ảnh ảo. ở Việt Nam có vấn đề làng họ hay không? Theo chúng tôi có thể có một sự nhận định hoàn toàn khẳng định, nhưng ở một hướng khác. Hiện nay trong xã hội vẫn còn những hiện tượng sai trái như chi bộ họ ta, uỷ ban họ ta, hội đồng họ ta... Đó là những biểu hiện của làng họ. Theo phong cách, vì chưa có thể dùng một khái niệm nào khác hơn như lý thuyết, triết lý..., Việt Nam. Những họ có thể lực thường hay lui về hàng thứ hai, không bộc lộ lực lượng để lúc tiến có thể tấn công, lúc rút lui còn giữ thế thủ. Sự khiêm nhường dưới lớp áo khoác nguy trang chỉ được phát hiện qua bản chất của hệ thống thân tộc hay thân thích tộc. Dùng họ làm tên làng nhưng thực chất chỉ là họ mượn.

Giả thiết nêu trên sẽ được tiếp tục chứng thực qua những bằng chứng sau đây. Đối tượng mà chúng ta quan tâm với cấu trúc họ kết hợp với xá, trong quá trình phát triển dễ dàng chuyển đổi từ họ này sang họ khác. Để tiện theo dõi chúng tôi chỉ nêu

những ví dụ sưu tầm ở Hà Bắc, qua bảng 02. Các làng chuyển đổi từ họ này sang họ khác.

STT	Tên làng 1	Tên làng 2	Ghi chú
1	An Xá	Tĩnh Xá	
2	Đặng Xá	Trùng Xá	
3	Đặng Xá	Dương Xá	
4	Đỗ Xá	Mỹ Xá	
5	Hoàng Xá	Lục Xá	
6	Mẫu Xá	Ngô Xá	
7	Ngô Xá	Thị Xá	
8	Nguyễn Xá	Tiên Xá	
9	Ông Xá	Dương Xá	
10	Vương Xá	Đạo Xá	
11	Vương Xá	Nghĩa Xá	

Kết hợp với bảng 01. Đặng Xá có nơi vẫn là Đặng Xá, nhưng có nơi lại đổi ra Trường Xá, ở địa điểm khác lại chuyển thành Dương Xá. Vương Xá có nơi vẫn giữ thủy chung là Vương Xá, nhưng ở huyện này lại đổi thành Đạo Xá, chỗ khác là Nghĩa Xá. Có nơi do cách phát âm lẫn giữa V và D cho nên đọc là Dương Xá, lâu dần từ ký hiệu Vương chuyển sang ký hiệu Dương. Bản sắc Việt Nam nếu chỉ đề cập dưới góc độ duy lý hình như có điều khó lý giải. Người Việt rất coi trọng thành hoàng bản thổ, hình thành nên thành ngữ đất có thổ công, sông có hà bá. Mặt khác trong cách xử thế hình như có gì rất trịch thượng, thể hiện một cá tính rất rõ nét. Minh cư trú ở đâu mang luôn cả thân hoàng, cả tên làng cũ đến chỗ ở mới, "không" cần biết tên gọi của chỗ ở mới. Thay đổi họ là một chuyện dễ dàng. Phải chăng đây là một nét phản ánh về thuyết lý của tính trội? Quy luật theo số đông phải chăng mang một sắc thái tập thể? Đối với chúng tôi, nhận định này chưa có thể mang tính chất khẳng định. Vương, họ Vương, nghĩa đen lại là vua. Đúng về mặt nào đấy của xã hội cần phải có sự chuyển đổi tế nhị sang Đạo, sang Nghĩa là điều có thể biểu hiện được. Căn cứ theo tư liệu của Viện Hán Nôm, không có các đơn vị như Trình Xá, Trùng Xá, Thị Xá, Tiên Xá, Đạo Xá. Điều này phải chăng chứng tỏ các đơn vị này đã được hình thành, sớm nhất cũng chỉ sau nửa cuối của thế kỷ 19. Các làng này chỉ có đọc mỗi tên chữ.

Đối tượng mà chúng ta quan tâm, nhiều đơn vị còn có cả thêm một tên chữ khác (Bảng 03). Nêu một vài ví dụ ở Hà Bắc:

Bảng 03. Làng có 2 tên chữ

Số TT	Tên chữ 1	Tên chữ 2	Nghĩa
1	Chữ Xá	Sửu	Trâu
2	Đặc Xá	Dương	Mặt trời
3	Hội Xá	Hội Xa	Xe nhóm họp
4	Lê Xá	Nhân lễ	Tính nhân và tính lễ
	Lê Xá	Hoàng Hà	Sông Hoàng
	Lê Xá	Viên Ngoại	Vườn ngoài
	Lê Xá	Kim Âu	Cát bát vàng
	Lê Xá	An Đà	Đôi bình yên
5	Ngọc Xá	Nội Trà	Chè ở trong
6	Ngô Xá	Yên Tập	Tập hợp bình yên
7	Yên Xá	Thượng Mão	Chi Mão ở trên

Có xã như Trương Xá ở Hạ Hoà, Phú Thọ phân thành hai thôn nội và ngoại. Hai thôn này sau lên xã, gọi là xã Nội, xã Ngoại dưới sự nhận thức trong giao tiếp đồng nghĩa với Trương Xá, Ngô Xá ở Hà Tĩnh khi nhập vào xã Ngô Trường trở thành thôn Tứ, người ta gọi là Tứ Ngô Xá hoặc đơn giản chỉ là Ngô Xá. Điều này thể hiện sự đấu tranh để giành lấy quyền được tự coi là gốc gác của làng. Cũng có trường hợp chưa thanh toán được lẫn nhau bằng tổ chức, người ta thanh toán nhau bằng tên gọi. Bạch Xá, Thanh Chương, Nghệ An là một giáp nằm trong xã Hoàng Xá. Sau đó giáp này được nâng lên thành một đơn vị tương đương xã, ngang vai với Hoàng Xá, nhưng người ta vẫn gọi Bạch Xá là Hoàng Xá. Nói chung, như ví dụ Lê Xá, việc mang tên chữ khác có ý nghĩa chỉ định, khu biệt, để tránh những sự trùng hợp, nhầm lẫn, vì 5 làng này sau thành 5 thôn của một xã. Có tên riêng rồi nhưng thôn nào cũng có ý muốn giữ lấy tên chung, tuy rằng không phải họ Lê. Qua thực tế chúng ta cũng đã phát hiện được những tư liệu ngược đời. ở Thọ Xuân, Thanh Hoá, có những làng toàn họ Lê, nhưng họ không tự gọi là Lê Xá. Những năm 70 họ đấu tranh để được hưởng quy chế về các dân tộc ít người. Họ tự nhận là người Thổ. Những năm 80 họ lại tự ý thức về một quan niệm, tự coi mình là con cháu của Lê Hoàn 980 - 1005. Hiện tượng những làng sử dụng họ để làm tên làng, cũng như việc đổi tên của chúng không có một mối liên hệ hữu cơ với tên của các dòng họ mà chúng đã khoác lên. Phải chăng cái nhiệt tình "lãng mạn" hay ưa thích đổi tên làng của những người Việt, qua các bảng đã nêu, là một phong cách có gốc nguồn từ truyền thống xa xưa? Cũng có thể sự thay đổi ấy là cả một quá trình tính toán thiệt hơn, chưa chắc đã là vụ lợi, nhưng chí ít cũng thoả mãn muốn vượt lên cuộc sống đời thường khắc nghiệt. Sống với thực tế oái ăm, những người Việt này muốn thông qua sự thay đổi về tên làng, để có một sự thay đổi về mặt xã hội theo ước muốn. Nếu đúng là như thế thì

điều bí đất là ở chỗ họ cố tình làm cho các xã hội mà họ tự tạo ra phải phù hợp với thực tại.

Nhiều làng dùng họ làm tên làng, bên cạnh tên chữ còn có cả tên nôm. Qua thực tế ở Hà Bắc có thể tóm tắt theo bảng 04. Làng có 2 tên chữ và nôm.

**Bảng 04. Làng có 2 tên chữ và nôm**

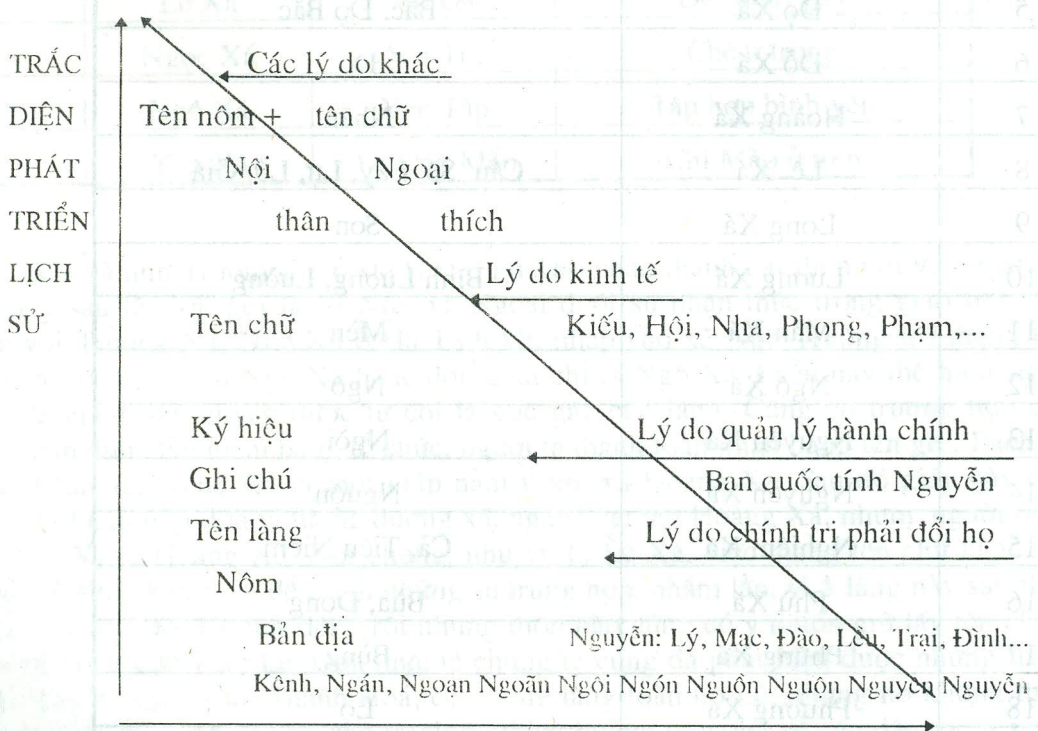
Số TT	Tên làng Họ + Xá	Các tên nôm đã biết
1	An Xá	Buôm
2	Dương Xá	Dàng
3	Đào Xá	Đền
4	Chu Xá	Câu Chù
5	Độ Xá	Bắc. Độ Bắc
6	Đỗ Xá	Độ
7	Hoàng Xá	Nhãn
8	Lê Xá	Câu Sô, Lây, Lự, Lở, Giá
9	Long Xá	Son
10	Lương Xá	Bình Lương, Lường
11	Mãn Xá	Mền
12	Ngô Xá	Ngô
13	Nguyễn Xá	Ngòi
14	Nguyễn Xá	Nguồn
15	Nghiêm Xá	Cả, Tiêu Niêm
16	Phù Xá	Bùa, Đông
17	Phùng Xá	Bùng
18	Phương Xá	Lộ
19	Tạ Xá	Tiêu Tê
20	Trần Xá	Chiêng
21	Viêm Xá	Diêm

Về mặt đồng đại, hiện tượng này phản ánh một thực tế đa dạng, tản mạn. Về mặt lịch đại, sự phát triển theo quy luật từ tên nôm sang tên chữ. Bước sang giai đoạn 2, từ tên chữ lại nảy sinh ra những tên mới theo quy luật đa phương: hoặc quay về tên nôm ở một dạng khác, hoặc thay đổi tên hoặc quên tên nôm. Về mặt tâm lý tộc người, do nhiều

yếu tố: lịch sử, kinh tế, xã hội, văn hoá, cảnh quan, tập quán... những tên này hoặc hoà nhập vào nhau hoặc phân hoá nhau. Nói chung sự phát triển thường theo xu thế chủ đạo, lấy sự hội tụ là chính. Người ta cố tình tạo ra một sự thống nhất. Sự đấu tranh để giành lại tộc người chính là động cơ chủ yếu của quá trình phát triển này. Người ta cố tìm những sự giống nhau, tạo ra cơ sở dẫn đến một sự hội tụ hoà hợp và cố tình tránh những sự khác biệt. Sự chuyển đổi từ tên nôm của làng sang tên chữ còn liên quan đến những quy luật nội tại của ngôn ngữ, từ ngôn ngữ tiếng nói sang ngôn ngữ chữ viết có liên quan đến chính tả, ngữ pháp, đến các quy luật đối ứng, rụng đuôi... Thông qua việc sử dụng họ làm tên làng, với sự chữ nghĩa hoá, được chính thức về mặt văn bản, mang tính chất pháp lý, người ta hình như có mục đích muốn thông qua cái ta để ẩn dấu cái tôi, thông qua một sự công khai những thực chất là để che đậy các truyền thống mang tính chất địa phương của mình thể hiện ở tên nôm.

Có thể tóm tắt qua bảng 05.

**Bảng 05. Sự hội tụ của tính đa dạng thống nhất**



**BÌNH DIỆN XÃ HỘI HAY LÀ CƠ TẦNG BẢN ĐỊA.**

Dùng họ làm tên làng, bản thân cái họ là một thực tế, nhưng trong quá trình hoà nhập, hội tụ nhiều tên chắc chắn không phải là họ, theo đúng với nghĩa của chúng. Theo gia phả học, sự phân chi, phân ngành luôn luôn được tiếp tục xung quanh việc giữ lại cái gốc chung. Còn hiện tượng dùng họ làm tên làng, được theo xu thế trái ngược hẳn lại. Đó là hai mặt mâu thuẫn, nhưng thống nhất.

Những làng ở phía Bắc thường có nhiều tên. Những làng dùng họ làm tên cũng không ngoài quy luật ấy. ở đây có hai xu thế phát triển. Nhiều làng muốn nhiều tên, nay rút lại còn hai. Ví dụ như trường hợp những làng Lê Xá đã nêu ở bảng 03 và bảng 04.

Làng Lở cũng gọi là Lê Xá hay Nhân Lễ. Làng Giá cũng gọi là Lê Xá hay Yên Đà. Xu thế thứ hai là phát triển. Ví dụ làng Bưởi có tên chữ là Bái Uyên. Tên Bưởi vốn gắn liền với sự đói nghèo triền miên, không có lối thoát của một vùng đồng chiêm trũng, cho nên dân địa phương muốn quên tên nôm. Hỏi đường về làng, nếu gặp thanh niên, họ sẽ chỉ cho khách đi về hướng khác. Nếu khách không muốn làm phật lòng các cụ già địa phương thì tốt hơn hết đừng nhắc đến tên Bưởi. Nhân dân khi giao tiếp với nhau lại dùng cái tên: Làng Bái hay làng Uyên. Để làm rõ thêm điều này có thể liệt kê một số trường hợp ở Hà Bắc.

**Bảng 06. Làng nhiều tên.**

STT	Tên chữ 1	Các tên khác
1	Dư Xá	Đặc Xá, Làng Dừa
2	Lai Xá	Lai Xá Đông, Lai Đông
3	Lương Xá	Bính Lương, Luồng
4	Nghiêm Xá	Nội Trà, Nguồn
5	Phù Xá	Đoài Mấn

Lai Đông là để phân biệt với Lai Xá Tề. Đoài là để phân biệt với Đông, cũng thuộc Phù Xá. Có nơi như Trình Xá, Sơn Vi, Phú Thọ tên chữ là Kẻ Trịnh, nhưng người ta gọi nhau là Kẻ. Kẻ là một đơn vị cơ sở tương đương với làng, nhưng trong trường hợp này đơn vị từ lại trở thành danh từ riêng. Nhiều đơn vị cơ sở theo tổ chức xã hội truyền thống, trong cảnh hướng ứng xử này, trở thành họ, ví dụ như Quán Xá, Chòm Xá (Thanh Hoá), Quân Xá, Phiến Xá (Nghệ An)... Một làng có nhiều tên là chuyện dễ hiểu, song ngay một tên cũng có nhiều nghĩa. Theo tư liệu Viện Hán Nôm, Hoàng Xá có 35 đơn vị, ở Hà Bắc có 1 Hoàng Xá chỉ có một tên (Bảng 01). Hoàng Xá có thể là tên chữ của làng Vàng, Hoàng là Vàng, ở miền Nam, để tránh phạm húy với tên Nguyễn Hoàng, người ta đọc là Huỳnh. Theo nghĩa, người ta cũng chuyển thành âm Kim, cũng có nghĩa là vàng. Hoàng Xá ở Hải Dương cũng gọi là Lục Xá. Có người hiểu sai, lục là sáu, tức là sáu xá họp lại. Lục ở đây là tên một loại thực vật, hoa trắng, ta thường gọi là rau đắng, âm Hán là LIÊU: Tên làng lấy theo tên thực vật phổ biến ở địa phương. Bạch Xá cũng bị gọi là Hoàng Xá, Nghệ An, theo quy luật áp đảo của số đông. Hoàng Xá là tên chữ của làng Nhân, lý do chưa biết được tường tận.

Một trong những nguyên nhân khiến cho một làng có nhiều tên là do chiến tranh, đói kém, thường hay xảy ra tình trạng phiêu bạt, tứ tán. Tư liệu khoảng đầu thế kỷ 19, có những làng như An Xá, Hà Tây chỉ có 3 đình, Ngô Xá, Hà Tây chỉ có 16 đình. Cũng có thể đây là trường hợp lậu đình để trốn nghĩa vụ với Nhà nước. Dù có tăng gấp đôi, gấp ba thì cũng khó có đủ tiêu chuẩn để xét duyệt là một đơn vị hành chính cấp cơ sở. Dĩ nhiên những tên làng ấy buộc phải ghép vào với tên của một đơn vị của xã khác. Những tên này có bị rơi vào quên lãng hay không, mọi việc tùy thuộc hoàn toàn vào ý thức của dân làng.

Sử dụng họ làm tên làng chẳng qua chỉ là một phương thức định hình tên chữ của làng. Đó chỉ là một lớp vỏ ngôn ngữ. Trong quá trình định hình, trước đây, với việc dùng các ký hiệu Hán Việt, ký hiệu Nôm, đã đưa đến một số sai lệch. Sự sai lệch này là một quá trình cưỡng bức nhưng tự nguyện, một sự áp đặt nhưng có sự thoả hiệp. Thật ra trong nhân dân, người ta cũng không quan tâm mấy đến tên chữ. Hiện tượng này chỉ có ý nghĩa về mặt quản lý hành chính. Từ Thừa Thiên - Huế trở ra, thế kỷ 19 đã có đến 192 họ dùng để đặt tên cho các làng. Họ ít nhất được dùng để đặt tên cho một làng. Họ Nguyễn là họ nhiều nhất được dùng để đặt tên cho 42 đơn vị cơ sở. Tên Nôm có nhiệm vụ duy trì những bản lĩnh đã giành được trong cuộc đấu tranh để bảo vệ bản sắc văn hoá tộc người. Tên chữ có chức năng chỉ định trong việc quản lý hành chính. Sự mâu thuẫn giữa nhiệm vụ và chức năng nói chung không có gì thay đổi lớn ở những bước ngoặt lịch sử, trong sự phát triển toàn diện và đầy mâu thuẫn chống thù trong giặc ngoài và đấu tranh trong nội bộ. Làng Nguyễn ở Đông Hưng, Thái Bình về đối ngoại là một khối thống nhất. Họ tự xưng là ở đây có đến 36 họ Nguyễn. 36 chỉ là một cách nói tượng trưng mà thôi. Kết quả điều tra của chúng tôi đã chứng thực rằng trong nội bộ, có đến 47 họ Nguyễn khác nhau. Làng dùng họ làm tên thực chất chưa phải là làng họ. Làng họ ở Việt Nam phải tìm trong phân trao đổi về hôn nhân.

**Bảng 07. Các họ được dùng để đặt tên các đơn vị hành chính cơ sở, theo cấu trúc Họ + Xá, từ bắc Quảng Trị trở ra. Trong ngoặc đơn là số đơn vị, theo sách "Tên làng xã..."**

1. An(16)	33 Dương(10)	65. Hoà	77. Lý (1)	129. Phan(7)	161. Thịnh
Bác (1)	Dương	Hoàng(35)	Mạc (2)	Phí (5)	Thiều (3)
Bạch (4)	Đặc	Hồ	Mai (9)	Phiên (2)	Thương
Bản	Đàm	Hộ (4)	Mãn(1)	Phong	Thượng(3)
Bành (1)	Đào (13)	Hội (1)	Mãnh (2)	Phù (1)	Tiên ?
Bằng (1)	Đạo	Kim	Mao (1)	Phú (6)	Tiêu (2)
Bán (1)	Đặc	Khang	Mạc (2)	Phủ (1)	Tĩnh (1)
Bình (1)	Đàng (1)	Khê (1)	Mẫn (5)	Phúc	Tĩnh
Bồ (2)	Đặng(23)	Khuất (3)	Mi (1)	Phùng (6)	Tông
Bùi (13)	Điêm(3)	La (4)	Mộ (1)	Phương(1)	Tổng (6)
Bửu	Điền (5)	Lạc	Mỗ (1)	Quách	Trạch (2)
Cam (1)	Đinh (2)	Lai (1)	Mông (1)	Quán (2)	Trần (6)
Cao (19)	Đoài	Lai (6)	Mục (1)	Quản (1)	Trâu
Cầm (2)	Đoan(1)	Lan (1)	Mỹ (5)	Quang	Triệu (4)
Cán (2)	Đoàn (8)	Làng (1)	Nại	Quảng (1)	Trinh
Cán	Độ	Lâm (3)	Nậm	Quần (1)	Trình (1)
Cấp	Đô (2)	Lê (21)	Nghĩa (1)	Quất	Trịnh (18)
Câu	Đỗ (16)	Lê (1)	Nghiêm(3)	Sa (1)	Trung (1)
Chàng(3)	Đôn (1)	Liên (1)	Ngo (7)	Ta (7)	Trùng

Châu (3)	Đông (6)	Liêu(2)	Ngọc (3)	Tam (1)	Trương(7)
Chòm(1)	Đông(10)	Linh (1)	Ngô (19)	Tàm (1)	Từ (1)
Chu	Đông (2)	Long	Ngu (1)	Tang (1)	úng
Chữ (2?)	Đông (1)	Lô	Nguyễn	Tào (1)	Ung
Cổ (1)	Đường(2)	Lộ (1)	Nguyễn(36)	Tâm	Vân (6)
Cốc	Gia	Lỗ (3)	Nha (1)	Tây	Vệ (1)
Công (2)	Giang	Lộc	Nhiếp (1)	Thạch (1)	Viêm (1)
Cốt (1)	Giáo	Lôi (1)	Nhữ (3)	Thái (1)	Vĩnh
Cơ (1)	Hà (9)	Lục (1)	Ninh (4)	Thanh (2)	Võ
Cự (1)	Hạ (3)	Lư (1)	Nội (1)	Thân (1)	Vũ (18)
Doãn(2)	Hào (1)	Lương(19)	Ôn (1)	Thần	Vương (3)
Doanh(1)	Hậu (1)	Lường	Ông (1)	Thi	Xuy (5)
Dư (2)	Hoa (2)	Lưu (8)	Phạm (10)	Thích (1)	Yên (6)

Cần lưu ý có lúc ký hiệu hán nôm là một, nhưng phiên âm khác nhau do tính chất địa phương quyết định, như An Xá, Yên Xá, Vũ Xá ở phía Bắc, Võ Xá ở miền Trung. Ngược lại, khi la tinh hoá, chỉ có một, nhưng ký hiệu hán nôm lại khác, như Châu Xá, Hạ Xá có 2 ký hiệu khác nhau. Dương Xá theo sách "Tên làng xã..." có một ký hiệu, nhưng trong thực tế điền dã chúng tôi đã gặp 3 ký hiệu. Đào Xá có nơi lại viết thành Đâu Xá, Chữ Xá có khi viết thành Sừ. Chúng tôi chọn theo cách hiện nay thông dụng. Trường hợp Ưng hay Ung có thể là do cách đọc.

Họ là một hiện tượng văn hoá vay mượn, vì thế cho nên đối với người Việt, tên quan trọng hơn. Trong một gia đình, với tục ngũ đại mai thân chủ thì đời cố cho đến đời chít, không được đặt tên trùng nhau, vì sợ động. Có nơi đối với người đã khuất, trên bia cũng phải dấu tên, không cho người ngoài biết, để tránh những trường hợp không hay xảy ra làm động mồ, động mả. Thực ra với kết quả điều tra được, 192 trường hợp đã nêu, có nhiều trường hợp còn nghi vấn. Ví dụ Bản Xá ở Lai Châu, Bản có phải là họ, đúng nghĩa hay chưa? Đông, Đoài, Bắc, Nam là chỉ phương hướng, nơi địa vực cư trú do người nào đó xác định theo vị trí lấy mình làm trung tâm mà phát biểu đầu tiên, hay là họ? Dù sao cũng có thể kết luận rằng những làng dùng họ làm tên ở Miền Bắc Việt Nam, việc dùng họ chẳng qua có ý nghĩa hình thức để dễ quản lý. Đó là một lớp áo để tập hợp, mang tính chất gợi mở hơn là một sự đóng kín theo tông tộc. Những điều nêu ra ở các bảng phải chăng có thể giúp chúng ta nêu ra một giả thiết về một sự áp đặt hơn 1000 năm, trong khoảng thiên niên kỷ 1 AD. Điều này cũng tương tự như trường hợp của Minh Mạng "biến" những người Hrê thành họ Đinh, người Xtiêng thành họ Điểu, người Khơ me thành họ Lâm... Sự biến đổi do đó cũng mang tính chất cơ động, linh hoạt, dễ thích ứng với hoàn cảnh mới, điều kiện mới. Một sự biến đổi nhưng ít thay đổi trong quá trình phát triển.